

Chuẩn mực hôn nhân: những quan niệm khác biệt

Trần Thị Vân Nương

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Trong bối cảnh biến chuyển xã hội dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, chuẩn mực hôn nhân là một trong những chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Theo đó, sự đa dạng trong quan niệm về chuẩn mực hôn nhân là một yếu tố khiến các nhà nghiên cứu băn khoăn tìm câu trả lời. Bài viết trình bày những quan niệm khác biệt về chuẩn mực hôn nhân giữa các nhóm xã hội khác nhau và bước đầu phân tích một số yếu tố tác động đến những sự khác biệt này.

Từ khóa: Chuẩn mực hôn nhân; Quan hệ hôn nhân; Giá trị hôn nhân.

Có nhận định rằng, một xã hội chuyển đổi bao giờ cũng đặt ra sự chuyển đổi chung của cả những giá trị, chuẩn mực. Sự biến đổi này thể hiện ở hai dạng thức, thứ nhất là duy trì hoặc cải tạo, thay thế những giá trị cũ, lạc hậu, không thích hợp với xã hội mới và thứ hai là tạo ra giá trị mới (Lê Ngọc Văn, 2012). Theo David Mace (1998), đời sống hôn nhân hiện đại đang biến đổi nhiều đến nỗi hoàn toàn lộn từ bên trong ra bên ngoài theo nghĩa đen của nó. Mace lý giải cho sự “lộn từ trong ra ngoài này” là do hôn nhân và gia đình trong suốt lịch sử nhân loại đang bị phá vỡ trong môi trường văn hóa - đô thị công nghiệp mới đang hình thành khắp nơi trên thế giới. Vậy, ở Việt Nam, các chuẩn mực hôn nhân có những thay đổi như thế nào? Dựa trên các kết quả khảo sát Đề tài cấp Bộ:

“Hệ giá trị gia đình Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2014 tại tỉnh Thái Bình, bài viết sẽ góp phần trả lời cho câu hỏi về quan niệm của người dân đối với các chuẩn mực hôn nhân hiện nay.

1. Chuẩn mực hôn nhân và quan niệm về một số chuẩn mực hôn nhân hiện nay

Chuẩn mực được hiểu là những quy ước chung của cả cộng đồng hay một nhóm hạn hẹp, có thể công khai hoặc ngầm ẩn, song được mọi người chia sẻ về mặt hành vi (Mai Văn Hai, Mai Kiệm, 2003: 64). Còn giá trị được hiểu là những ý niệm trừu tượng xác định điều được coi là quan trọng, đáng giá và đáng ao ước trong phạm vi một nền văn hóa. Các giá trị và chuẩn mực định hướng cho các thành viên của một nền văn hóa cách ứng xử cho phù hợp với môi trường xung quanh họ. Giá trị và chuẩn mực có thể thay đổi theo thời gian (Giddens, dẫn theo Lê Ngọc Văn, 2012). Hôn nhân là một thiết chế phổ biến của loài người và đã tồn tại dưới nhiều hình thức. Từ xa xưa, theo ghi nhận của Edward Watermark, luật pháp và phong tục đã từng công nhận hôn nhân là quan hệ của một hoặc nhiều đàn ông với một hoặc nhiều đàn bà (David Mace, 1998). Tuy vậy, đa số các xã hội hiện đại chỉ thừa nhận chuẩn mực hôn nhân một vợ một chồng. Ở Việt Nam, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Điều 2) quy định chuẩn mực hôn nhân như sau: “Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng”. Như thế, khái niệm “hôn nhân” ở đây được hiểu là quan hệ của một người đàn ông và một người đàn bà, được ghi nhận bởi phong tục hoặc luật pháp liên quan đến những quyền và nghĩa vụ trong trường hợp cả hai bên kết hôn và con cái được sinh ra trong hôn nhân. Do đó có thể coi “một vợ một chồng” là chuẩn mực có tính pháp lý đầu tiên của hôn nhân, và vì thế con cái sinh ra trong hôn nhân là chuẩn mực có tính pháp lý tiếp theo mà cộng đồng phải tuân theo. Ngoài ra, còn có nhiều chuẩn mực dù không được thể chế hóa trong luật pháp nhưng vẫn được xác lập về mặt hành vi. Theo đó, quan hệ tình dục trước hôn nhân, sinh con ngoài giá thú, nam nữ chung sống không kết hôn, sống thử, kết hôn muộn hay sống độc thân, v.v. được xem là không bình thường, không phù hợp với chuẩn mực chung về hôn nhân. Hôn nhân một vợ một chồng và các chuẩn mực định hướng cho các thành viên trong xã hội đã được hình thành từ lâu và trở thành phong tục trong đời sống xã hội. Những hành vi đi ngược lại chuẩn mực và phong tục của cộng đồng, xã hội về quan hệ hôn nhân bị coi là “lệch chuẩn”. Mặc dù vậy, như Mace (1998) nói, “môi trường văn hóa - đô thị công nghiệp mới” đã khiến các chuẩn mực về hôn nhân thay đổi theo thời gian. Các số liệu điều tra ở Thái Bình dẫn ra dưới đây đã phản ánh quy luật này.

Số liệu khảo sát cho thấy, trong số 8 hiện tượng được đưa ra, 4 chuẩn

Bảng 1. Quan niệm của người dân về các chuẩn mực trong hôn nhân (%)

	Bình thường	Không bình thường	Không biết
Quan hệ tình dục ngoài hôn nhân	7,3	92,2	0,5
Sống thử	8,8	89,5	1,7
Nam nữ chung sống không kết hôn	13,3	86,2	0,5
Kết hôn cùng giới tính	11,6	85,1	3,3
Quan hệ tình dục trước hôn nhân	28,2	71,3	0,5
Nam nữ thích sống độc thân	33,3	66,2	0,5
Phụ nữ/nam giới không chồng/vợ có con	63	36,5	0,5
Nam nữ thường kết hôn muộn	85,8	14,2	0

mục đã có sự thay đổi so với truyền thống nhiều hơn 4 chuẩn mực còn lại. Về tuổi kết hôn, trong xã hội truyền thống nam nữ thường kết hôn ở độ tuổi rất sớm. Câu thành ngữ “nữ thập tam, nam thập lục” đã phản ánh quan niệm của người xưa về độ tuổi được coi là chuẩn mực để đi tới hôn nhân. Sau này Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Điều 9) quy định về tuổi kết hôn nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên. Điều tra tại Thái Bình cho thấy có 85,8% người trả lời cho rằng việc kết hôn muộn là điều bình thường. Kết quả này thống nhất với các phát hiện từ Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2009 cho rằng xu hướng kết hôn chậm đang tăng lên do gia đình và cả chính các nam, nữ thanh niên mong muốn dành thêm thời gian để có đủ độ chín chắn cần thiết cũng như sự ổn định về nghề nghiệp, thu nhập, học vấn, tạo thuận lợi và bền vững cho đời sống gia đình sau này (Nguyễn Thanh Bình, 2012).

Đối với chuẩn mực sinh con trong hôn nhân, có tới 63% người trả lời cho rằng một người nam hay nữ có thể không kết hôn mà vẫn có con là hiện tượng bình thường trong xã hội. Còn lại gần 40% người trả lời cho rằng đó là điều không bình thường. Tìm kiếm lý giải qua các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm có thể thấy rõ thái độ kỳ thị đối với việc nuôi con ngoài giá thú đã giảm đi rõ rệt tuy người dân vẫn tin rằng gia đình đầy đủ là sự lựa chọn tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em: “So với thời phong kiến thì bây giờ vấn đề không chồng mà có con đã được xã hội chấp nhận. Gần như là cũng có vẻ nó rộng lượng hơn chứ nó không phải bị nhìn cái cách mà xa lánh hay là một cái gì nó kỳ thị nhiều” (TLN cán bộ phường Đề Thám). Tỷ lệ 63% người trả lời cho rằng nuôi con một mình là một việc bình thường là một sự thay đổi đáng kể so với truyền thống. Ronald Inglehart (2008) cho rằng đôi khi các thiết chế định hình nên các giá trị văn hóa và đôi khi văn hóa lại định hình nên các thiết chế. Trong trường hợp này, khía cạnh thứ hai đã được chứng minh bằng sự ra đời của nghị định số 158 năm 2005 của Chính phủ về việc đăng ký và quản lý hộ tịch. Khi đó để đảm bảo quyền được khai sinh cho trẻ em khi sinh ra, không

phân biệt con trong hay ngoài giá thú, đều có thể được khai sinh đầy đủ cả mẹ và cha nếu được thừa nhận.

Trong xã hội truyền thống, với chuẩn mực về trinh tiết, quan hệ tình dục trước hôn nhân, đặc biệt là đối với phụ nữ, là một điều cấm kỵ. Vi phạm chuẩn mực này sẽ chịu sự trừng phạt nặng nề cả về thể xác và tinh thần. Ngày nay, quan niệm về trinh tiết đã không còn khắt khe như trước đây. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Quý Thanh năm 2006 cho thấy 27,7% số sinh viên được hỏi cho rằng họ không coi chuyện trinh tiết là quan trọng và 19,2% cho rằng quan hệ tình dục trước hôn nhân là chuyện bình thường và có thể chấp nhận được. Tác giả cho rằng việc có gần một phần năm số sinh viên được hỏi coi quan hệ tình dục trước hôn nhân là bình thường là một sự thay đổi đáng kể trong định hướng giá trị của sinh viên. Trong nghiên cứu của chúng tôi tại Thái Bình, gần một phần ba số người trả lời coi quan hệ tình dục trước hôn nhân là việc bình thường. Sống độc thân cũng dần trở thành xu hướng được chấp thuận với 33,3% số người trả lời cho là một việc bình thường. Như vậy, theo thời gian, một số chuẩn mực về hôn nhân đã biến đổi theo chiều hướng cải tạo những chuẩn mực cũ cho phù hợp với đời sống xã hội hiện đại. Phân tích tương quan cũng cho thấy độ cố kết nội tại khá cao (với $r=0,32$; $0,44$ và $0,48$; $p=0,000$) giữa các quan niệm về sống thử, chung sống không kết hôn, quan hệ tình dục trước hôn nhân và kết hôn cùng giới tính. Điều này có nghĩa là những người cho rằng sống thử là bình thường cũng có xu hướng cho rằng nam nữ chung sống không kết hôn, quan hệ tình dục trước hôn nhân và kết hôn cùng giới tính là bình thường và ngược lại. Như vậy, một nhóm người trong xã hội đang dần thích ứng với các chuẩn mực mới về hôn nhân.

Quan niệm của người dân về tình dục ngoài hôn nhân, sống thử, chung sống không kết hôn và kết hôn cùng giới tính ít có sự thay đổi theo chiều hướng mới so với quan niệm về tình dục trước hôn nhân, tình trạng độc thân, kết hôn muộn và việc nuôi con một mình. Quan hệ tình dục ngoài hôn nhân là hiện tượng xã hội nhận được sự phản đối cao nhất trong mẫu nghiên cứu (92,2%). Điều này cho thấy chung thủy vẫn được coi là chuẩn mực quan trọng trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm chung thủy đã có sự biến đổi theo thời gian. Trước đây, chuẩn mực truyền thống chỉ yêu cầu sự chung thủy khắt khe từ phía người phụ nữ “*trai năm thê, bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng*”. Ngày nay, trong xã hội hiện đại, chuẩn mực chung thủy được áp dụng cho cả nam và nữ, cả chồng và vợ: “*...Giờ chung thủy phải ở cả phía đàn ông, nói chung là cả hai*” (TLN cán bộ xã An Cầu).

Trong quan niệm về tình dục trước và trong hôn nhân, có 28,2% người trả lời cho rằng quan hệ tình dục trước hôn nhân là bình thường, cao hơn

so với tỷ lệ đồng tình với việc có quan hệ tình dục ngoài hôn nhân (7,3%). Do đó có thể hiểu rằng người ta có thể đồng tình với việc quan hệ tình dục trước hôn nhân nhưng không thể chấp nhận được việc quan hệ tình dục ngoài hôn nhân.

Hôn nhân vẫn là một chuẩn mực được đa số người dân thừa nhận hiện nay. Cụ thể, với hiện tượng “sống thử” và “chung sống không kết hôn”, lần lượt có 89,5% và 86,2% người trả lời khẳng định đó là hiện tượng không bình thường. Tuy vậy, cũng có người nhìn nhận ở một góc độ khác và cho rằng đó là tích cực: “*Sống thử là văn minh, để mình xem có hòa hợp được với nhau không rồi mới tiến tới hôn nhân*” (TLN nam người dân phường Đề Thám).

Kết hôn cùng giới được coi là một hiện tượng mới trong đời sống, đi ngược với những chuẩn mực hiện có trong xã hội Việt Nam, thậm chí là đối với nhiều quốc gia khác trên thế giới. Về mặt luật pháp, Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi), được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2013 khẳng định Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính. Do vậy, kết hôn cùng giới tính không phải là một chuẩn mực được luật pháp thừa nhận. Tuy nhiên, điểm thú vị là có 11,6% người trả lời đồng tình với quan điểm về hôn nhân đồng giới. Đó là quan điểm tiếp cận dựa trên quyền của mỗi cá nhân.

Như vậy, trong quan niệm về các chuẩn mực hôn nhân, khu vực có tư tưởng truyền thống đang thu hẹp dần hơn so với những tư tưởng hiện đại. Cụ thể sự khác biệt đó sẽ được phân tích trong phần dưới đây.

2. Sự đồng nhất và khác biệt trong quan niệm về chuẩn mực hôn nhân giữa các nhóm xã hội

Thuyết tương đối văn hóa chỉ ra rằng ngay trong nội bộ của một nền văn hóa cũng có những điểm khác biệt đáng kể. Những người trong một nền văn hóa không tiếp thu các khuôn mẫu văn hóa một cách thụ động trong một thế giới quan thuần nhất. Ngược lại, con người có xu hướng cải tạo các khuôn mẫu lạc hậu và sáng tạo ra những khuôn mẫu mới phù hợp với hoàn cảnh, tạo nên sự biến đổi của văn hóa. Như vậy, thuyết tương đối văn hóa đã lý giải rõ nét về những khác biệt trong quan niệm về chuẩn mực hôn nhân giữa các nhóm người trong cùng một cộng đồng (Lê Ngọc Văn, 2013: 161). Khảo sát ở Thái Bình cho thấy cả sự đồng nhất và khác biệt trong quan niệm hôn nhân giữa các nhóm xã hội thuộc địa bàn cư trú, nghề nghiệp, giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn và mức độ sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong gia đình khác nhau.

Sự tương đồng rõ nét nhất giữa các nhóm xã hội là đối với chuẩn mực về sự chung thủy trong hôn nhân. Kết quả phân tích cho thấy không có sự

Bảng 2. Tỷ lệ những người ủng hộ các quan điểm hôn nhân – gia đình mới theo đặc điểm cá nhân của người trả lời (%)

	Quan hệ tình dục ngoài hôn nhân	Sống thử	Nam nữ chung sống không kết hôn	Kết hôn cùng giới tính	Quan hệ tình dục trước hôn nhân	Nam nữ thích sống độc thân	Phụ nữ/nam giới không chồng/vợ có con	Nam nữ thường kết hôn muộn
Giới tính					*			*
Nam	9,1	9,9	13,8	11,6	27,2	29,3	65,9	82,8
Nữ	6,0	8,0	12,9	11,5	28,7	35,9	61,2	87,9
Học vấn NTL				**	**			
Tiểu học trở xuống	2,6	7,9	23,7	10,5	26,3	26,3	52,6	81,6
THCS	5,7	6,4	10,2	6,8	22,6	33,6	63,4	88,3
THPT	9,0	10,3	12,9	11,6	28,4	32,9	58,7	83,2
Trung cấp trở lên	9,8	12,3	17,2	22,1	40,2	35,2	71,3	85,2
Nhóm tuổi NTL				*	***	**		
Dưới 35 tuổi	8,5	11,9	17,6	17,6	43,8	42,6	61,9	88,1
Từ 36- 54 tuổi	9,6	9,1	13,2	8,6	24,9	28,9	63,5	84,8
Từ 55 tuổi trở lên	3,9	5,8	9,7	9,2	17,9	29,5	63,8	85,0
Nghề nghiệp NTL				***	***			
Nông dân	5,9	4,6	10,9	6,3	19,7	28,5	64,9	85,8
Công /viên chức	5,9	10,3	13,2	22,1	41,2	33,8	63,2	89,7
Kinh doanh/dịch vụ	12,4	14,4	21,6	17,5	44,3	37,1	57,5	87,6
Làm thuê	10,7	8,9	8,9	7,1	39,3	35,7	62,5	87,5
Nghỉ hưu	3,3	10,9	12,0	12,0	15,2	35,9	62,0	81,5
Nghề khác	10,7	14,3	17,9	17,9	32,1	46,4	71,4	82,1
Địa điểm		**	*	**	**	*		
Phường Đề Thám	8,2	11,7	16,4	15,7	34,5	37,0	59,4	84,3
Xã An Cầu	6,4	6,0	10,4	7,7	22,1	29,8	66,6	87,3
Số thiết bị hiện đại trong GD		**		**	**			
4 thiết bị hiện đại trở xuống	6,5	6,5	11,9	8,6	24,1	32,7	64,9	86,8
5 thiết bị hiện đại trở lên	8,6	12,9	15,7	16,7	35,2	34,3	60	84,3
Thu nhập bình quân/người		**	*	*	**			
1 triệu trở xuống	2,2	5,2	9,6	6,7	15,6	27,4	61,5	89,6
Từ hơn 1 triệu đến 3 triệu	8,5	7,3	12,8	11,6	31,0	33,4	63,8	84,8
Trên 3 triệu	9,1	16,4	16,4	15,5	33,6	37,3	62,7	83,6

Mức ý nghĩa thống kê: *p<0,1; **p<0,05; ***p< 0,001

khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với chuẩn mực này giữa bất kỳ nhóm xã hội nào. Nghĩa là các đánh giá bình thường hay bất bình thường với chuẩn mực về sự chung thủy được nhất trí cao, không phụ thuộc họ là nam hay nữ, sinh sống ở đâu, học vấn, nghề nghiệp và các đặc điểm cá nhân khác của họ như thế nào. Chung thủy được thừa nhận như là giá trị phổ quát

cho mọi người trong hôn nhân.

Có con trong hôn nhân là một trong những chuẩn mực được đưa vào điều tra Giá trị thế giới. Tuy vậy, kết quả của hai cuộc điều tra này đã cho thấy người dân ngày càng khoan dung hơn đối với việc vi phạm chuẩn mực này (Ronald Inglehart, 2008). Nghiên cứu tại Thái Bình cũng chỉ ra đây là một hiện tượng có sự tương đồng cao trong quan niệm “không phán xét” việc có con ngoài giá thú giữa các nhóm xã hội. Theo đó, dù là người dân ở nông thôn hay đô thị, nhóm người cao tuổi, trung niên, hay trẻ tuổi, học vấn cao hay thấp, không phân biệt nghề nghiệp, thu nhập... đều cho rằng việc một người đàn ông hay phụ nữ không kết hôn mà có con là điều bình thường.

Trong khi đó: sống thử, kết hôn cùng giới tính, kết hôn muộn, tình dục trước hôn nhân, chung sống không kết hôn và sống độc thân nhận được nhiều ý kiến trái chiều giữa các nhóm xã hội. Đặc biệt, quan hệ tình dục trước hôn nhân và kết hôn cùng giới tính là hai hiện tượng có những ý kiến đa dạng nhất giữa các nhóm xã hội đã nêu trên.

Đối với hiện tượng kết hôn giữa những người cùng giới tính, có sự khác biệt rõ nét trong quan điểm của người dân ở hai địa bàn nông thôn và đô thị, giữa những nhóm người có trình độ học vấn, nghề nghiệp, độ tuổi và sở hữu nhiều thiết bị hiện đại khác nhau. Những người ở khu vực đô thị, người hiện đang là công nhân viên chức và kinh doanh/dịch vụ; người có học vấn cao, người trẻ tuổi và sở hữu nhiều thiết bị hiện đại có xu hướng ủng hộ hôn nhân đồng giới hơn so với những nhóm người còn lại. Kết quả này tương đối thống nhất với các phát hiện của một nghiên cứu gần đây về hôn nhân cùng giới cho rằng những người trẻ tuổi, người học vấn cao, người thu nhập cao, người sống ở thành thị và người có quen biết hoặc có nhiều thông tin về người đồng giới có xu hướng ủng hộ hôn nhân đồng giới nhiều hơn những nhóm còn lại (Viện Xã hội học và các cơ quan khác, 2014).

Với chuẩn mực về sự trinh tiết, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê thể hiện ở tất cả các nhóm xã hội. Theo đó, đây là chuẩn mực có nhiều ý kiến trái chiều giữa các thành viên ở mọi lứa tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú và các đặc điểm gia đình khác nhau. Một điểm rất thú vị chỉ ra từ số liệu phân tích đó là, chuẩn mực này có tỷ lệ đồng tình khá cao trong quan điểm của một số nhóm xã hội. Chẳng hạn trong nhóm học vấn người trả lời, có 40,2% người có học vấn từ trung cấp trở lên cho rằng việc quan hệ tình dục trước hôn nhân là bình thường. Tương tự, cũng có tới 43,8% người dưới 35 tuổi và 35,2% người trả lời sở hữu từ 5 thiết bị hiện đại trong gia đình trở lên ủng hộ điều này. Lần lượt, 44,3% và 41,2% người làm kinh doanh dịch vụ và người là cán bộ công chức viên chức khẳng định trinh tiết không còn là điều quá quan trọng. Các dấu hiệu này thể hiện sự chuyển đổi đang diễn ra giữa các nhóm xã hội, trong đó

yếu tố hiện đại hóa có sự tác động mạnh mẽ để tạo nên thay đổi về thái độ đối với các chuẩn mực truyền thống. Một phần xã hội vẫn bảo lưu ý nghĩa của những chuẩn mực truyền thống nhưng phần khác mà đa số là những người trẻ hơn, có điều kiện học vấn cao hơn, có cơ hội tiếp cận thông tin đa dạng hơn có xu hướng dần thay đổi và ủng hộ những chuẩn mực mới.

Về sống thử, tỷ lệ đánh giá các hiện tượng này là “bình thường” ở phường Đề Thám là cao hơn so với ở xã An Cầu. Tương tự, các nhóm có thu nhập bình quân đầu người cao và sở hữu nhiều thiết bị hiện đại trong gia đình cũng có xu hướng coi việc sống thử là hiện tượng bình thường cao hơn các nhóm còn lại. Mặc dù tỷ lệ ủng hộ hiện tượng này không cao, nhưng thay đổi thể hiện ở chỗ nhóm sống ở đô thị, có thu nhập bình quân cao và sở hữu nhiều thiết bị hiện đại có tỷ lệ ủng hộ việc sống thử cao hơn so với các nhóm đối chứng, do đó bước đầu có thể khẳng định hiện đại hóa là một trong những yếu tố tác động đến việc tiếp nhận các giá trị, chuẩn mực mới của người dân ở Thái Bình.

Độc thân cũng là hiện tượng xã hội nhận được những quan điểm trái chiều từ phía các nhóm xã hội. Một phần ba số người trả lời nhận định độc thân là một điều bình thường trong khi số còn lại chưa thể chấp nhận. Có sự khác biệt về khu vực cư trú và nhóm tuổi của người trả lời trong quan điểm về sở thích sống độc thân. Nhóm người dân đô thị và người dưới 35 tuổi có xu hướng tôn trọng sở thích sống độc thân hơn các nhóm còn lại.

Có thể thấy sự đa dạng trong quan niệm về các chuẩn mực hôn nhân giữa các nhóm xã hội. Lý thuyết hiện đại hóa khẳng định rằng, trong xã hội nông nghiệp nông thôn, con người hướng tới đảm bảo an toàn về cơ thể và an ninh lương thực, hôn nhân vì thế cũng tuân thủ những đòi hỏi này (Ronald Inglehart, 2008). Mặt khác, nhu cầu sâu sắc nhất của con người đối với hôn nhân trong xã hội hiện đại là đảm bảo xúc cảm đối với sự sống còn của giá trị cá nhân là tình yêu và sự thỏa mãn (Mace, 1998). Xã hội Việt Nam đan xen giữa sự duy trì nền nông nghiệp cùng với sự phát triển của nền công nghiệp hiện đại với tốc độ đô thị hóa chóng mặt. Do đó, sự đan xen các giá trị xã hội giữa truyền thống và hiện đại là điều có thể lý giải.

Kết luận

Các kết quả phân tích trên cho thấy có sự khác nhau đáng kể với trong quan niệm về các chuẩn mực hôn nhân mới như kết hôn cùng giới, quan hệ tình dục trước hôn nhân, sống thử và chung sống không kết hôn. Trong khi đó, các chuẩn mực về sự chung thủy trong hôn nhân, cha/mẹ đơn thân và kết hôn muộn nhận được sự đồng thuận cao giữa các nhóm xã hội. Tuy vậy, sự đồng nhất này ở hai chiều hướng khác nhau so với chuẩn mực truyền thống, một bên là xem xét các giá trị mới - việc nuôi con một mình

và kết hôn muộn; bên còn lại nhấn mạnh giá trị truyền thống là sự chung thủy trong hôn nhân thông qua việc khẳng định tình dục ngoài hôn nhân là không bình thường.

Các quan niệm có sự thay đổi đáng kể so với truyền thống là có con ngoài hôn nhân, kết hôn muộn, sống độc thân. Quan niệm về tình dục trước hôn nhân cũng cởi mở hơn trước. Những thay đổi trong quan niệm này phản ánh những ảnh hưởng của lối sống hiện đại, ở đó sự lựa chọn của mỗi cá nhân được tôn trọng.

Mace phân tích một ý rất hay về mối quan hệ giữa quan niệm ủng hộ tình dục trước hôn nhân và tình dục ngoài hôn nhân. Ông cho rằng khi một nguyên tắc được thiết lập rằng một người nam và một người nữ chưa kết hôn có thể có quan hệ tình cảm (và tình dục) với nhau và thực hiện điều đó như một sự lựa chọn cá nhân, nguyên tắc đó đồng nghĩa với việc không thể loại trừ những người đã kết hôn khỏi những đặc quyền tương tự (David Mace, 1998). Krauss (1995) thấy rằng các thái độ đã báo trước một cách chắc chắn và có ý nghĩa hành vi tương lai. Đó là vấn đề chúng ta cần quan tâm khi những quan niệm về chuẩn mực hôn nhân đang dần thay đổi trong cuộc sống ngày nay. Ronald Inglehart (2008) bình luận rằng thái độ không quyết định hành vi trong từng chi tiết, hành vi đòi hỏi phải có cả hai, động cơ và cơ hội. Trong bối cảnh đó, chủ đề cần nghiên cứu tiếp theo sẽ là về cách hành xử của các cá nhân trong một môi trường khi mà các thiết chế truyền thống đang dần bị phá vỡ, nhường chỗ cho những chuẩn mực mới, những chuẩn mực có tính linh hoạt và khả năng thích nghi cao đối với sự phát triển của xã hội. ■

Tài liệu trích dẫn

- Nguyễn Quý Thanh. 2006. “Internet và định hướng giá trị của sinh viên về tình dục trước hôn nhân”. *Tạp chí Xã hội*, số 2.
- David Mace. 1998. “Vấn đề đương đại của hôn nhân”. *Tạp chí Xã hội*, số 2.
- Nguyễn Thanh Bình. 2012. “Một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi kết hôn lần đầu ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 2.
- Lê Ngọc Văn. 2012. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Chiện. 2008. “Chuyển đổi mẫu hình kết hôn của người Việt ở đồng bằng sông Hồng qua một số nghiên cứu xã hội học gần đây”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1.
- Ronald Inglehart. 2008. *Hiện đại hóa và Hậu hiện đại hóa*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Stephen Krauss. 1995. *Attitudes and the Prediction of Behavior: A Meta-Analysis of the Empirical Literature*. *Personality and Social Psychology Bulletin*. Truy cập ngày 4/8/2014 <http://psp.sagepub.com/content/21/1/58.abstract>
- Viện Xã hội học, Viện Chiến lược và Chính sách Y tế, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường. 2014. *Kết quả trung cầu ý kiến người dân về hôn*